

TRƯỜNG TIỂU HỌC SỐ 2 XÃ MƯỜNG PÒN

BẢNG THANH TOÁN TRUY LĨNH LƯƠNG THÁNG 01, 02, 03 NĂM 2024

STT	Họ Va Tên	Mục 6000		6757		Mục 6100										Thăm niên		Tổng lương			Các khoản thu			Tổng lĩnh
		Hệ số	Số tiền	Hệ số tiền	Số tiền	Chức vụ		Khu vực	Phụ cấp khác		Vượt khung		Pc ưu đãi 70%	Độc hại							Biên giới	%	Số tiền	
						Hệ số	Số tiền		Hệ số	Số tiền	Hệ số tiền	% số tiền												
Lương chi thiếu tháng 01, 02, 03/2024																								
1	Lò Văn Hùng	3,33	5.994.000				-					4.195.800			1.798.200	11%	659.340	12.647.340	66.533	99.800	532.267		11.948.739	
	Cộng 3 tháng		17.982.000									12.587.400			5.394.600		1.978.020	37.942.020	199.600	299.400	1.596.802		35.846.218	
1	Lò Văn Hùng	3,34	6.012.000				-					4.208.400			1.803.600	11%	661.320	12.685.320	66.733	100.100	533.866		11.984.621	
	Cộng 3 tháng		18.036.000									12.625.200	-		5.410.800	0	1.983.960	38.055.960	200.200	300.299	1.601.597		35.953.864	
	Tổng cộng thiếu		54.000									37.800	-		16.200	0	5.940	113.940	599	899	4.795		107.646	

KẾ TOÁN

BIỆU TRƯỞNG

[Signature]



[Signature]

Vàng Thị Thủy

Mac Thị Sam

BẢNG TRUY LÌNH TIỀN DÂY LỘP GHEP NĂM 2024

STT	Họ và tên	Tổng HS	Hệ số	Chức vụ	Vượt khung	Tổng lương	Số tháng	Tổng cộng	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Khánh	5,18	4,89		0,29	4.665.060	2	9.330.120	TL Tháng 9, 10
	Nguyễn Thị Khánh	0,29			0,29	264.060	5	1.320.300	TL Tháng 01=>5 chỉ thiếu vượt khung
2	Lương Thị Hiền	3,48	3,33	0,15		3.132.000	3	9.396.000	TL Tháng 9, 10, 11
	Cộng	8,96	8	0,150	0,587	8.061.120		20.046.420	

HIEP TRUONG



Mac Thi Sam

KE TOAN

Vang Thi Thuy

[Handwritten signature]

Ngày tháng 11 năm 2024

BẢNG TRUY LĨNH PHỤ CẤP LẬU NĂM NĂM 2024

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm nhận công tác vùng khó khăn	Thời gian hưởng phụ cấp nậu năm	Hệ số phụ cấp được hưởng	Lương tối thiểu	01 tháng	Số tháng	Thành tiền	Ghi chú
1	Lò Thị Hương		5 năm 2,5 tháng	0,5	1.800.000	900.000	2,5	2.250.000	Truy lĩnh 15 ngày T2, T3, T4
2	Quàng Thị Chính		5 năm 6,5 tháng	0,5	1.800.000	900.000	6,5	5.850.000	Truy lĩnh 15 ngày T2, T3, T4, T5, T6, T7, T8
3	Đỗ Quý Bộ		10 năm 0 tháng	0,2	1.800.000	360.000	1	360.000	Truy lĩnh T4
4	Lò Thị Thu Hiền		10 năm 0 tháng	0,2	1.800.000	360.000	1	360.000	Truy lĩnh T4
Tổng cộng								8.820.000	-

KẾ TOÁN

[Signature]

Vàng Thị Thủy



Ngày,เดือน,ปี tháng 11 năm 2024

TRUY LĨNH

Mục Chiếm

TRUY LĨNH CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP THÂM NIÊN THEO NĐ 54/2011 ĐỐI VỚI NHÀ GIÁO NĂM 2024

Số TT	Họ và tên	Tỷ lệ % TN cũ	Tỷ lệ % TN mới	Tổng số	Hệ số lương ngạch bậc	Hs phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung quy theo hệ số	C/L Tỷ lệ (%) phụ cấp thâm niên được hưởng	Mức lương tối thiểu chung	Mức tiền phụ cấp thâm niên 01 tháng	Số tháng	Tổng cộng	Các khoản đóng góp 10,5%	Tổng cộng	Ghi chú
Tăng đợt 1															
1	Vũ Khánh Huyền	22%	23%	4,64	4,34	0,30		1%	1.800.000	83.520	5	417.600	43.848	373.752	T3->7/2024
2	Nguyễn Thị Nhuận	22%	23%	4,83	4,68	0,15		1%	1.800.000	86.940	5	434.700	45.644	389.057	T3->7/2024
3	Lương Thị Hạnh	22%	23%	4,68	4,68			1%	1.800.000	84.240	5	421.200	44.226	376.974	T3->7/2024
4	Lò Văn Chung	26%	27%	5,56	5,36	0,20		1%	1.800.000	100.080	5	500.400	52.542	447.858	T3->7/2024
5	Vì Thị chi	8%	9%	3,33	3,33			1%	1.800.000	59.940	0,5	29.970		29.970	15/04/2024
	Vì Thị chi	8%	9%	3,33	3,33			1%	1.800.000	59.940	3	179.820	18.881	160.939	T5->7/2024
6	Lò Văn Phong	19%	20%	4,00	4,00			1%	1.800.000	72.000	5	360.000	37.800	322.200	T3->7/2024
7	Đỗ Quý Bộ	12%	13%	3,33	3,33			1%	1.800.000	59.940	3	179.820	18.881	160.939	T5->7/2024
8	Nguyễn Duy Thủy	23%	24%	4,34	4,34			1%	1.800.000	78.120	5	390.600	41.013	349.587	T3->7/2024
Tổng cộng				38	37	1	-	0,090	16.200.000	684.720	36	2.914.110	302.835	2.611.275	

Kế toán

Phụ trưởng đơn vị

[Signature]

Vàng Thị Thủy



Mạc Thị Sâm

BẢNG THANH TOÁN TRUY LÍNH TĂNG LƯƠNG ĐỢT I NĂM 2024

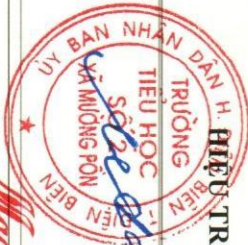
Stt	Họ và tên	HS cũ	HS mới	HS chênh lệch	Số tiền	Vượt khung				Số tháng	Lương chính	Thâm niên		Ưu đãi ngành 50, 70%	Thu hút 70%	30% Biên giới	Lớp ghép	Tổng lương	10,5 % BHXH	Tổng cộng	Số tháng
						HS cũ	HS mới	HS chênh lệch	Số tiền			HS	Số tiền								
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
1	Lò Văn Chung	5,02	5,36	0,34	612.000					7,0	4.284.000	26%	1.113.840	2.998.800		1.285.200		9.681.840	566.773	9.115.067	T01 => 7
2	Nguyễn Duy Thụy	4,00	4,34	0,34	612.000					5,0	3.060.000	23%	703.800	2.142.000		918.000		6.823.800	395.199	6.428.601	T03 => 7
3	Trần Thị Hải	3,06	3,26	0,20	360.000					5,0	1.800.000	13%	234.000	1.260.000		540.000		3.834.000	213.570	3.620.430	T03 => 7
	Cộng	12,08	12,96	0,88	1.584.000	-	-	-	-	17	9.144.000	0,62	2.051.640	6.400.800		2.743.200	0	20.339.640	1.175.542	19.164.098	

KẾ TOÁN

HIỆU TRƯỞNG

[Handwritten signature]

Vàng Thị Thủy



[Handwritten signature]
Mục đích: Sưu

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐƠN VỊ TƯƠNG THỤ HƯỞNG

(Kèm theo Giấy rút dư toàn/ý nhiệm chi số: 60 ngày 28 tháng 11 năm 2024)

Mã hiệu:
Số:

Tài khoản dự toán ☒

Tài khoản tiền gửi: ☐

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: Trường Tiểu học số 2 xã Mường Pôn
2. Mã đơn vị: 1099345
3. Tài khoản thanh toán của đơn vị: Số TK 3600 153 713 mở tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển tỉnh Điện Biên
1. Nội dung đề nghị thanh toán: Chuyển tiền truy lĩnh tăng lương, thâm niên tháng 01 đến tháng 7/2024 và truy lĩnh đầy lớp ghép tháng 9, 10/2024

(Đơn vị: Đồng)

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó							Ghi chú
		Số Tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoản	Tiền học bổng	
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<u>Tổng số</u>			50.749.439	50.749.439	-			-			
I. Đối với công chức viên chức												
1	Vũ Khánh Huyền	36010000154044	NH TMCP đầu tư và phát triển tỉnh DB	373.752	373.752							
2	Lò Văn Chung	36010000154071	NH TMCP đầu tư và phát triển tỉnh DB	9.562.924	9.562.924							
3	Lương Thị Hiền	36010000154187	NH TMCP đầu tư và phát triển tỉnh DB	376.974	376.974							
4	Nguyễn Duy Thụy	36010000305480	NH TMCP đầu tư và phát triển tỉnh DB	6.778.188	6.778.188							
5	Lò Văn Phong	36010000830858	NH TMCP đầu tư và phát triển tỉnh DB	322.200	322.200							
6	Trần Thị Hải	36010000305471	NH TMCP đầu tư và phát triển tỉnh DB	3.620.430	3.620.430							
7	Lò Văn Hùng	36010000353036	NH TMCP đầu tư và phát triển tỉnh DB	107.646	107.646							
8	Nguyễn Thị Khánh	36010000392756	NH TMCP đầu tư và phát triển tỉnh DB	10.650.420	10.650.420							

5 Tổng số tiền chuyển:

50.749.439 đồng

Người lập

(Ký, ghi rõ họ tên)



Vang Thi Thuy

Giao dịch viên

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)



Vang Thi Thuy

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày tháng 11 năm 2024

Giám đốc KBNN huyện Điện Biên

Ngày 28 tháng 11 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Mao Thị Sâm

